TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Bình

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 332/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Cẩm A, sinh năm: 1991

- *Bị đơn*: Anh Lê Tuấn T, sinh năm: 1985

Cùng địa chỉ: Tổ 01, ấp B, xã T2, huyện G, tỉnh T3.

Chị A và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-5-2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tuấn T chung sống với nhau từ tháng 9-2007, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Anh chị có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện G, tỉnh T3 năm 2009. Vàng cưới không còn nên chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi cưới, chị và anh T sống chung với mẹ ruột anh T một thời gian sau đó anh chị về bên mẹ ruột chị xây nhà ở riêng. Chị và anh T chung sống hạnh phúc nhưng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng nhất là vào

tháng 12-2018, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn, chăm sóc cho gia đình, vợ con mà thường xuyên cờ bạc gây nợ nần. Tháng 12-2018, chị có nộp đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải nên anh chị về đoàn tụ. Từ sau khi chị rút đơn anh T vẫn không thay đổi, không khắc phục được khuyết điểm. Anh chị sống ly thân từ tháng 02-2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh T có gặp nhau, do nhà mẹ ruột chị và nhà của vợ chồng sát vách nhau nhưng không ai quan tâm đến ai, anh T cũng không phụ tiền chị để nuôi con. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không còn, nên chị xin ly hôn với anh T.

Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung tên Lê Đoàn Thanh T4, sinh ngày 06-8-2008 và Lê Đoàn Thanh T5, sinh ngày 04-7-2013. Hiện 02 cháu đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu T5 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên, không yêu cầu anh Thành cấp dưỡng cho cháu T4.

Về tài sản chung: Anh chị chung sống có căn nhà được xây trên đất của mẹ ruột chị, tọa lạc tại ấp B, xã T2, huyện G, tỉnh T3. Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-7-2019, bị đơn anh Lê Tuấn T trình bày:

Về hôn nhân, anh thống nhất như lời trình bày của chị A. Anh chị chung sống đến tháng 02-2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi làm về có ghé uống cà phê với bạn nên về nhà trễ. Khi chị A về không thấy anh nấu cơm thì chị A đóng cửa không cho anh vào nhà nên vợ chồng cải nhau. Ngoài ra, những lúc có đám tiệc thì anh mới uống rượu, anh không có cờ bạc. Và chị A cũng không muốn anh qua lại với bạn bè. Anh chị ly thân từ tháng 02-2019, hiện anh đã về nhà bà nội của anh ở, chị A cũng không cho anh cơ hội năn nỉ để vợ chồng được đoàn tụ. Tình cảm anh đối với vợ vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về nuôi con: Anh cũng thống nhất với ý kiến của chị A. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung. Anh đồng ý cấp dưỡng cho cháu T5 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T5 thành niên, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Anh chị có 02 chiếc xe máy: 01 chếc hiệu Wave RSX hiện chị A đang sử dụng, 01 chiếc xe Dream hiện anh đang sử dụng và 01 căn nhà tường cấp 4 chưa tô, mái tôn, nền xi măng, được xây dựng trên đất của mẹ vợ năm 2011. Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực

hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh T; về con chung: Giao chị A tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục 02 cháu Lê Đoàn Thanh T4, sinh ngày 06-8-2008 và Lê Đoàn Thanh T5, sinh ngày 04-7-2013. Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu T5 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên, anh T không phải cấp dưỡng cho cháu T4; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*:

[2.1] Hôn nhân của chị Đoàn Thị Cẩm A và anh Lê Tuấn T là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị A nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn, chăm sóc cho gia đình, vợ con, không phụ tiền chị nuôi các con mà thường xuyên cờ bạc gây nợ nần. Chị đã cho cơ hội nhưng anh T không khắc phục được khuyết điểm. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh T.

Còn anh T thì cho rằng do chị A không thích anh qua lại với bạn bè, muốn anh đi làm về rồi lo cơm nước cho vợ con. Anh thừa nhận có uống rượu nhưng không nhiều và không có cờ bạc. Tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ.

[2.2] Qua thu thập chứng cứ trong hồ sơ thụ lý số 917/2018/TLST-HNGĐ ngày 19-12-2018 chị A xin ly hôn với anh Thành, tại Biên bản hòa giải ngày 25-12-2018, anh T thừa nhận có cờ bạc và có uống rượu, chứng tỏ lời trình bày của anh T là chưa chính xác. Hơn nữa, chị A đã rút đơn một lần để anh chị đoàn tụ nhưng nay chị A tiếp tục nộp đơn xin ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị không giải quyết được. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T để thu thập chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh T không có thiện chí để đoàn tụ. Hiện nay chị A và anh T cũng không còn chung sống với nhau và cũng không ai quan tâm đến ai nên đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*:

[3.1] Anh chị có 02 người con chung là cháu Lê Đoàn Thanh T4, sinh ngày 06-8-2008 và Lê Đoàn Thanh T5, sinh ngày 04-7-2013. Hiện 02 cháu đang sống cùng với chị A. Chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung. Xét thấy, từ ngày chị A và anh T sống ly thân, cháu 02 người con chung vẫn do chị A nuôi dưỡng, giáo dục và anh T cũng đồng ý giao cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu T4 muốn được ở cùng với mẹ. Nên Hội đồng xét xử cần giao cho chị A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T4 và cháu T5 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Chị A yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu T5 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T5 thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu T4 và anh T cũng đồng ý theo yêu cầu của chị A. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận anh T đồng ý cấp dưỡng cho cháu T5 số tiền 1.000.000 đồng/tháng từ tháng 9-2019 cho đến khi cháu T5 thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T4.

[4] *Về tài sản chung:* Chị A và anh T thừa nhận có tài sản chung là 01 căn nhà được xây trên đất của mẹ ruột chị A, tọa lạc tại ấp B, xã T2, huyện G, tỉnh T3. Ngoài ra, anh T còn thừa nhận tài sản chung của anh chị còn có 02 chiếc xe máy: 01 chếc hiệu Wave RSX hiện chị A đang sử dụng, 01 chiếc xe Dream hiện anh T đang sử dụng. Tuy nhiên, chị A và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về *nợ chung:* Chị A và anh T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Cẩm A đối với anh Lê Tuấn T. Chị Đoàn Thị Cẩm A được ly hôn với anh Lê Tuấn T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Lê Đoàn Thanh T4, sinh ngày 06-8-

2008 và Lê Đoàn Thanh T5, sinh ngày 04-7-2013. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T5 số tiền 1.000.000 đồng/tháng từ tháng 9-2019 cho đến khi cháu T5 thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T4.

Anh T có quyền và nghĩa vụ trông nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí mà chị An đã nộp theo biên lai thu số 0009137 ngày 07-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Anh T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã T2;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG